

Bản án số: 03/2022/HS-PT

Ngày 05 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thành;

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Thế Phương;  
Ông Nguyễn Xuân Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**  
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo Ôn Thị Mai H và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 183/2021/HS-ST ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Ôn Thị Mai H, sinh năm 1962 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 07516200927x, cấp ngày 12-8-2021; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố U, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ôn Văn Đ (chết) và bà Hồ Thị H; có chồng tên Trần Ngọc T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020, hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 607/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; vắng mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo Ôn Thị Mai H:* Bà Nguyễn Thị Kim H, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư Nguyễn

Thị Kim H, Số U, Đường T, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Quách Thị Kim T (tên gọi khác: B), sinh năm 1987 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27230999x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31-12-2008; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố U, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngụy T và bà Trần Thị Thu T; có chồng tên Nguyễn Thanh T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 608/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Chí T, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27218401x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26-9-2015; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố R, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hữu Đ và bà Võ Thị T; có vợ tên Lâm Trần Thanh T và có 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 609/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Tiến P, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27208983x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10-9-2011; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố R, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn D và bà Nguyễn Thị Ngọc H; có vợ tên Bùi Vũ Hồng U và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 610/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị Thu T, sinh năm 1968 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 272330036, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14-3-2009; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số C, Tổ F, Khu phố U, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Đặng Thị B; có chồng tên Ngụy T và có 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 611/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị B, sinh năm 1952 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27015333x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02-7-2019; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số C, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Mai Thị M (chết); có chồng tên Trần D và có 05 con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 207/QĐ-XPHC ngày 22/7/2020, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc”; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 612/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

7. Dương Thái P, sinh năm 1975 tại Bến Tre; Giấy chứng minh nhân dân số: 32088300x, do Công an tỉnh Bến Tre cấp ngày 30-10-2015; nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay (ở trọ): Khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Đ và bà Dương Thị Cẩm N; có vợ tên Phạm Thị L và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 613/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

8. Mai Thị Châu N, sinh năm 1988 tại Bến Tre; Căn cước công dân số: 08318801008x, cấp ngày 28-6-2021; nơi đăng ký thường trú: Tổ F, Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông M và bà Dương Thị Ánh N; có chồng tên Huỳnh Huy V và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số: 614/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Thị L, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng minh nhân dân số: 27271575x, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29-9-2014; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số E, khu phố T, phường H, thành phố B,

tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị H; có chồng tên Nguyễn Phước H và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/9/2020 đến ngày 11/9/2020; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú Quyết định số: 615/QĐCĐKNCT ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

*- Ngoài ra, vụ án còn có người làm chứng tham gia tố tụng, Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### *1. Nội dung chính:*

Vào khoảng 15 giờ ngày 02-9-2020, tại đoạn đường trước nhà Số A, Tổ H, Khu phố U, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Ôn Thị Mai H, Quách Thị Kim T, Nguyễn Tiến P, Trần Thị Thu T, Nguyễn Thị B, Dương Thái P, Mai Thị Châu N, Lê Thị L, Trương Chí Th, 01 người phụ nữ tên “Cá kèo”, 01 người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch) và một số người (không rõ tên, địa chỉ), thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Cào cái”, do người phụ nữ tên “Cá kèo” làm cái.

Cách thức: Mỗi ván bài người chơi đặt tiền cược trước vào “tụ” của mình. Sau đó, người làm cái dùng bộ bài Tây (loại 52 lá), chia đều mỗi “tụ” 03 (ba) lá bài, rồi tính điểm để xác định thắng - thua. Khi lật bài lên người làm cái sẽ lấy bài của mình so sánh với từng “tụ”, nếu bài của người làm cái lớn hơn bài của “tụ” nào, thì người làm cái sẽ thắng và thu toàn bộ số tiền của “tụ” đó đã đặt cược và ngược lại (tức tỷ lệ thắng thua là 1-1). Nếu bài của người làm cái và bài của người chơi bằng điểm nhau thì không thắng, không thua (huê). Một người có thể đặt nhiều tụ hoặc nhiều người có thể đặt chung một “tụ” (đặt ké) với người khác. Cách tính điểm: Lá bài Át (A) tính 01 (một) điểm, lá bài in số (2, 3, 4 ...) tính điểm tương đương số in trên lá bài đó, lá bài hình Tây (J, Q, K) tính 10 (Mười) điểm. Bài cao nhất là bài có 03 (Ba) lá bài giống nhau (sáp); kế đến là bài có 03 (Ba) lá bài hình Tây (J,Q,K), sau đó là những bài có số điểm lần lượt là 9, 8, 7..., nếu trên 10 điểm thì lấy hàng đơn vị để tính điểm, số điểm 10, 20, 30 gọi là "bù" (không có điểm).

Số tiền dùng đánh bạc của từng người cụ thể như sau:

- Ôn Thị Mai H mang theo và sử dụng 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H không thắng không thua. Khi bị bắt, thu giữ của H 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) để dưới chiếu bạc và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên người H, đang dùng đánh bạc.

- Quách Thị Kim T mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thua 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ của T 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc.

- Trương Chí Th mang theo và sử dụng 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng), để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Th thắng 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ trên người Th 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc.

- Nguyễn Tiến P mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P thua 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ của P 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc.

- Trần Thị Thu T mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), để đánh bạc. T đặt cược với Nguyễn Thị B; sau đó, đặt cược của Lê Thị L và Mai Thị Châu N. Quá trình đánh bạc, T thua 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ của T 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để dưới chiếu bạc và 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) trên người T đang dùng đánh bạc.

- Nguyễn Thị B mang theo 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), sử dụng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, B thua 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ của B 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để dưới chiếu bạc và 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) để trong người đang dùng đánh bạc, 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để trong người không dùng đánh bạc.

- Dương Thái P mang theo 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), sử dụng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P thắng 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ trên người P 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) đang dùng đánh bạc và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) không dùng đánh bạc.

- Mai Thị Châu N mang theo và sử dụng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Khi N đánh bạc thua 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) thì

N và Lê Thị L cùng tham gia đánh bạc. Do L không đem theo tiền để đánh bạc nên cả hai sử dụng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) còn lại của N đặt chung 01 tụ để tiếp tục đánh bạc. N và L thỏa thuận: Nếu đánh bạc thắng 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) thì N chia cho L 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), nếu đánh bạc thua thì không chia tiền. Quá trình đánh bạc tiếp sau đó, N và L thắng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Khi bị bắt, thu giữ của N và L 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để dưới chiếu bạc đang dùng đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ của L 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng) để trong người không dùng đánh bạc.

Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, H, Quách Thị Kim T, P, Trần Thị Thu T, B, P, N, L, Th, H, “Cá kèo” và một số người khác (không rõ tên, địa chỉ), đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị Công an thành phố B phối hợp Công an phường T, phát hiện và bắt quả tang. Khi thấy lực lượng Công an đến, H, Quách Thị Kim T, P, Trần Thị Thu T, B, P, N, L, Th, H, “Cá kèo” và một số người khác tham gia đánh bạc (không rõ tên, địa chỉ), vứt bỏ tiền dùng đánh bạc đang cầm trên tay xuống chiếu bạc. H, Quách Thị Kim T, P, Trần Thị Thu T, B, P, N, L, Th bị bắt giữ, còn H, “Cá kèo” và một số người khác (không rõ tên, địa chỉ) bỏ chạy thoát. Công an thu giữ 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng) tiền đánh bạc trên chiếu bạc.

## *2. Vật chứng:*

- 01 (một) bộ bài tây 52 lá;
- Số tiền đánh bạc **10.300.000 đồng** (mười triệu ba trăm nghìn đồng);

## *3. Quyết định của cấp sơ thẩm:*

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 183/2021/HS-ST ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Xử phạt các bị cáo Ôn Thị Mai H và Nguyễn Thị B, mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù.
- Xử phạt các bị cáo Quách Thị Kim T, Trương Chí Th, Nguyễn Tiến P, Trần Thị Thu T và Dương Thái P, mỗi bị cáo 04 (bốn) tháng tù.
- Xử phạt các bị cáo Mai Thị Châu N và Lê Thị L, mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

#### *4. Kháng cáo:*

Trong thời hạn luật định, các bị cáo nêu trên kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng án treo.

#### *5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:*

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

Đối với các bị cáo có tình tiết mới, gồm có: Trần Thị Thu T, Trương Chí Th, Ôn Thị Mai H và Nguyễn Thị B, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo còn lại, hình phạt của cấp sơ thẩm là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Người bào chữa cho bị cáo Ôn Thị Mai H có đơn xin hoãn phiên tòa, với lý do bị cáo H nhập viện, kèm theo “Giấy chứng nhận” ngày 04-01-2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Bệnh viện Đại học Y được SingMark. Xét thấy, vì lý do dịch bệnh Covid-19, vụ án đã không mở phiên tòa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; để giải quyết dứt điểm vụ án, việc hoãn phiên tòa là không cần thiết.

Tại phiên tòa, vắng mặt người bào chữa và bị cáo Ôn Thị Mai H; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về tội danh:**

Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

#### **[3] Về kháng cáo:**

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án và không có tiền sự (trừ bị cáo B có một tiền sự về hành vi đánh bạc); các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Bị cáo Ôn Thị Mai H cung cấp tài liệu, thể hiện đang điều trị bệnh tiểu đường type 2 và nhiều bệnh khác. Bị cáo Trương Chí Th cung cấp đơn được khu phố nơi cư trú xác nhận, thể hiện bản thân là lao động chính và gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bị cáo Trần Thị Thu T cung cấp tài liệu, thể hiện đang điều trị bệnh ung thư Amidan. Bị cáo Nguyễn Thị B cung cấp tài liệu, thể hiện đang điều trị bệnh; cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện hoàn cảnh khó khăn, cung cấp tài liệu thể hiện cha bị cáo tham gia cách mạng và được tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất. Bị cáo Mai Thị Châu N, Lê Thị L và Dương Thái P cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện các bị cáo là lao động chính, phải nuôi dưỡng nhiều người thân phụ thuộc và hoàn cảnh khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thái P cung cấp tài liệu, thể hiện bị cáo vừa phẫu thuật chân xong. Áp dụng cho các bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị B vừa bị xử phạt vi phạm hành chính cũng về hành vi đánh bạc; tuy nhiên, bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội trong vụ án này, thể hiện việc xem thường pháp luật; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Các bị cáo còn lại phạm tội đồng phạm giản đơn và số tiền tham gia đánh bạc không lớn; đều chưa có tiền án, tiền sự; một số bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên; việc xử phạt tù đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc và không cần thiết; do đó, chấp nhận kháng cáo, xử phạt tiền cũng đủ răn đe và giáo dục các bị cáo; đồng thời, thu ngân sách Nhà nước.

[4] Về biện pháp ngăn chặn:

Đối với các bị cáo bị xử phạt tiền, cần hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban



Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Các bị cáo còn lại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị B;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ôn Thị Mai H, Quách Thị Kim T, Trương Chí Th, Nguyễn Tiến P, Trần Thị Thu T, Dương Thái P, Mai Thị Châu N và Lê Thị L.

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 183/2021/HS-ST ngày 30-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B.

#### **1. Tội danh và hình phạt:**

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Thị B vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước:

- Xử phạt bị cáo Ôn Thị Mai H phải nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Xử phạt bị cáo Quách Thị Kim T phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);
- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Tiến P và Trần Thị Thu T; mỗi bị cáo phải nộp 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng);

- Xử phạt các bị cáo Dương Thái P, Trương Chí T, Mai Thị Châu N và Lê Thị L, mỗi bị cáo phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

## **2. Về biện pháp ngăn chặn:**

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bỏ các Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú cùng ngày 30-3-2021 sau đây của Tòa án nhân dân thành phố B:

- Quyết định số: 607/QĐCĐKNCT đối với Ôn Thị Mai H.
- Quyết định số: 608/QĐCĐKNCT đối với Quách Thị Kim T.
- Quyết định số: 609/QĐCĐKNCT đối với Trương Chí T.
- Quyết định số: 610/QĐCĐKNCT đối với Nguyễn Tiến P.
- Quyết định số: 611/QĐCĐKNCT đối với Trần Thị Thu T.
- Quyết định số: 613/QĐCĐKNCT đối với Dương Thái P.
- Quyết định số: 614/QĐCĐKNCT đối với Mai Thị Châu N.
- Quyết định số: 615/QĐCĐKNCT đối với Lê Thị L.

## **3. Về án phí:**

Bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo còn lại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

**4. Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### **Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng Hồ sơ - Công an các tỉnh Đồng Nai, Bến Tre và Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Thành**

